FireAnt

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,510
SL cổ phiếu LH	36,342,269
KLGD BQ 20 phiên (CP)	121,505
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	245
P/E	19.1
EPS	354

	YTD	1T	3T	6T
C47	12.7%	-10.1%	10.7%	11.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

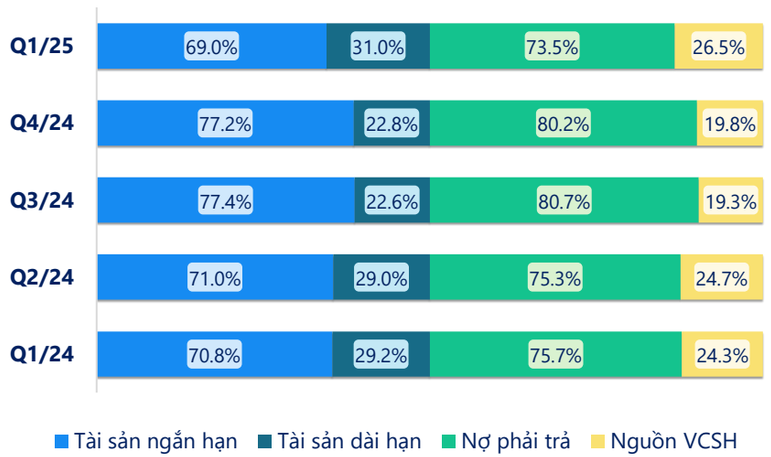

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

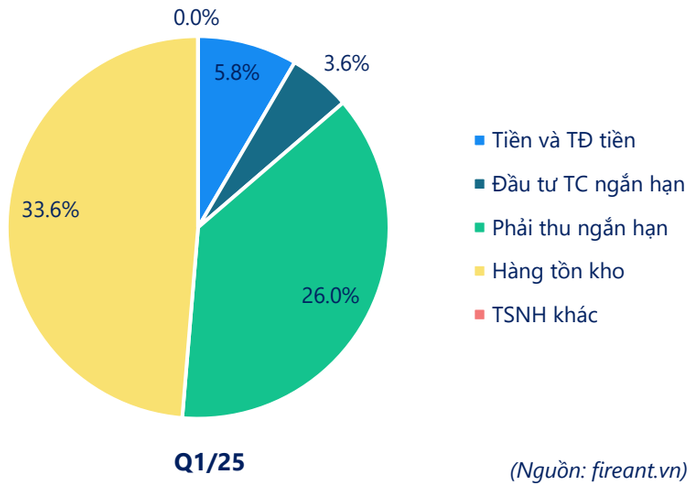

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

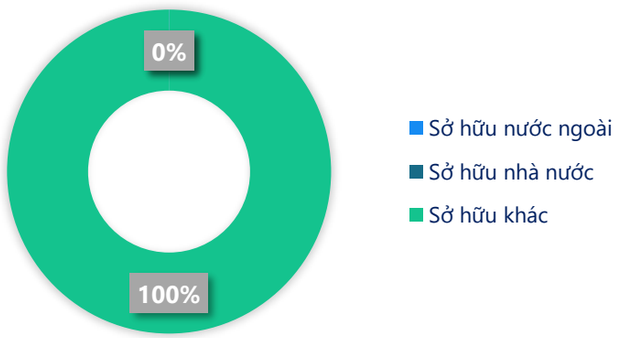

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

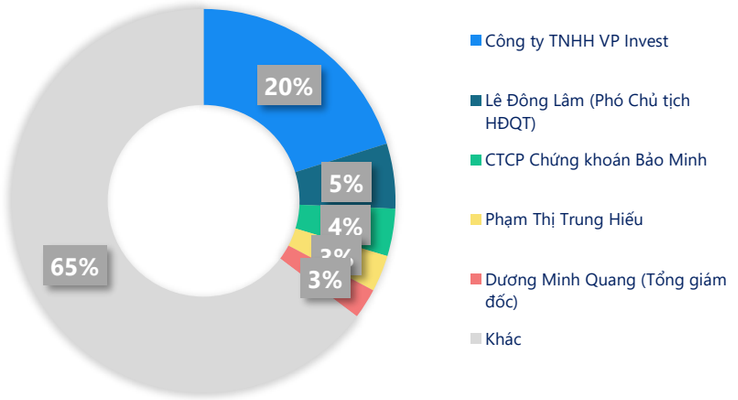

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

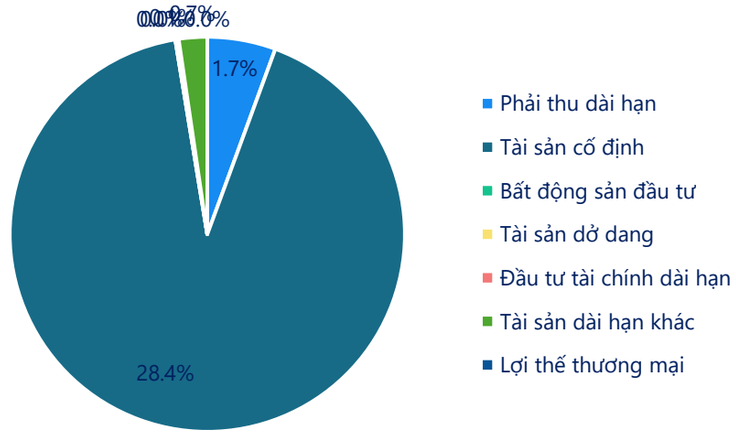

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

Tiền và tương đương tiền

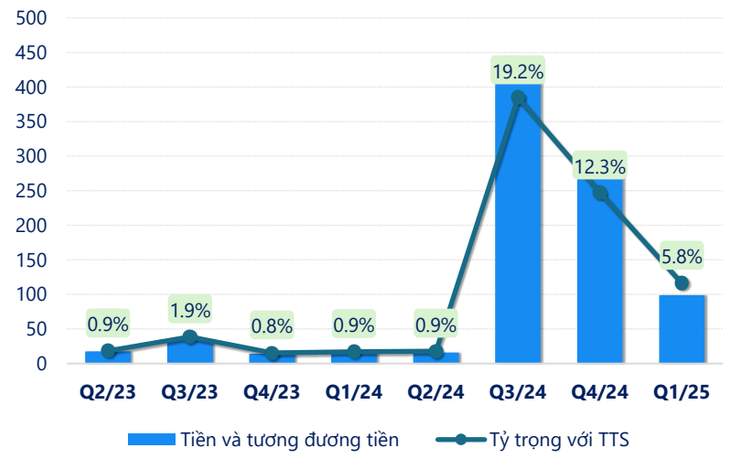

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

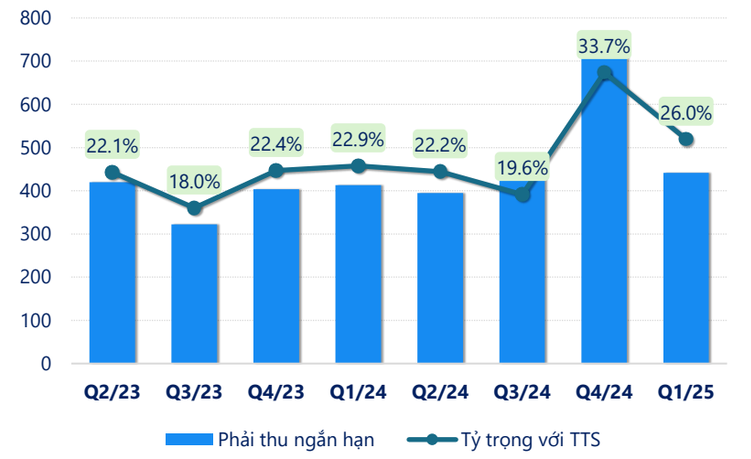

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

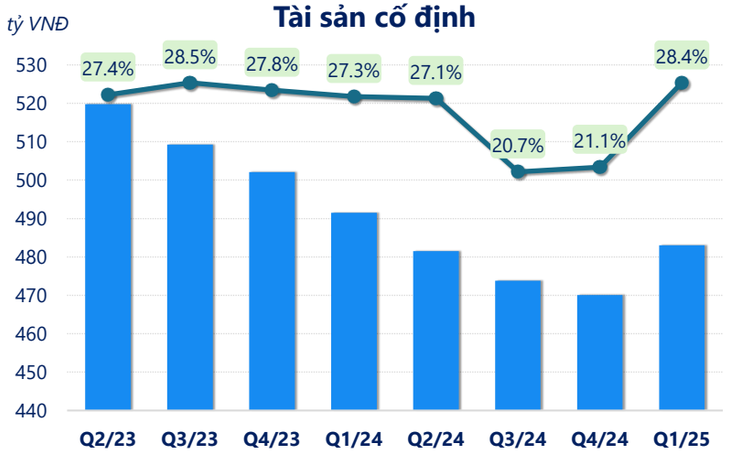

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

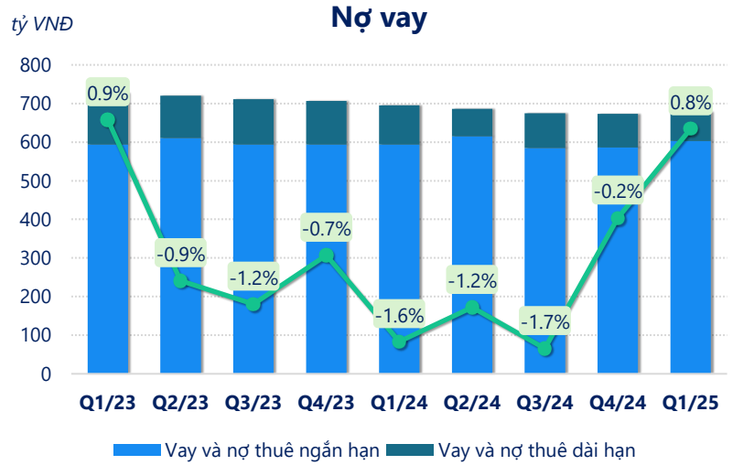

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

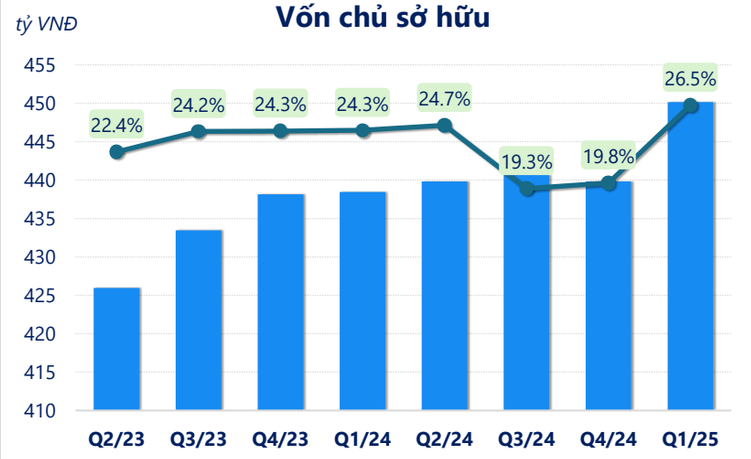

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

Kết quả kinh doanh

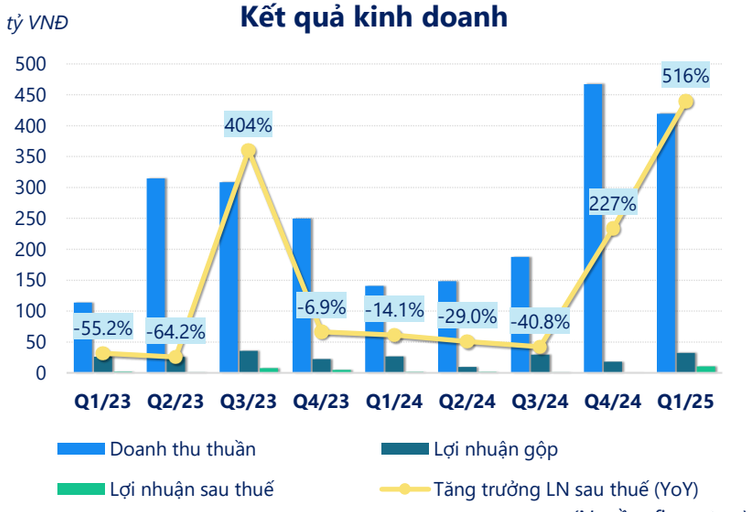

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

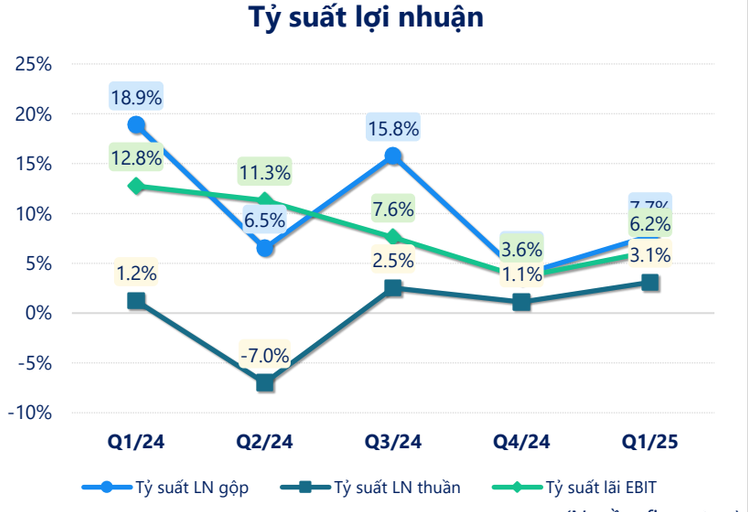

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

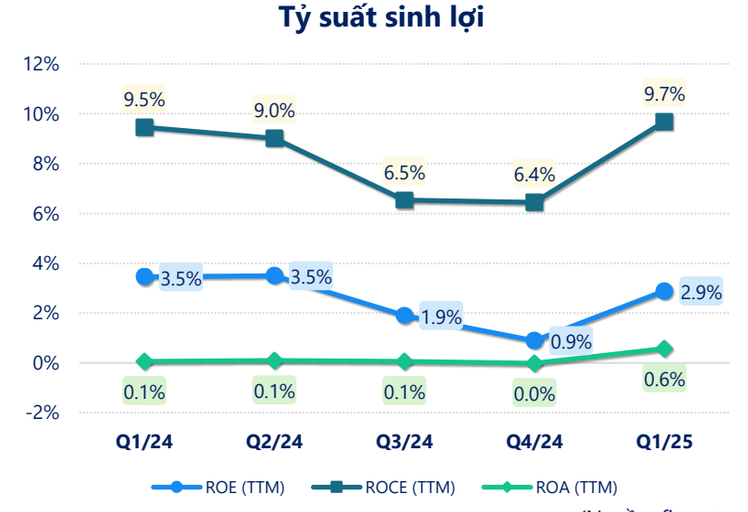

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

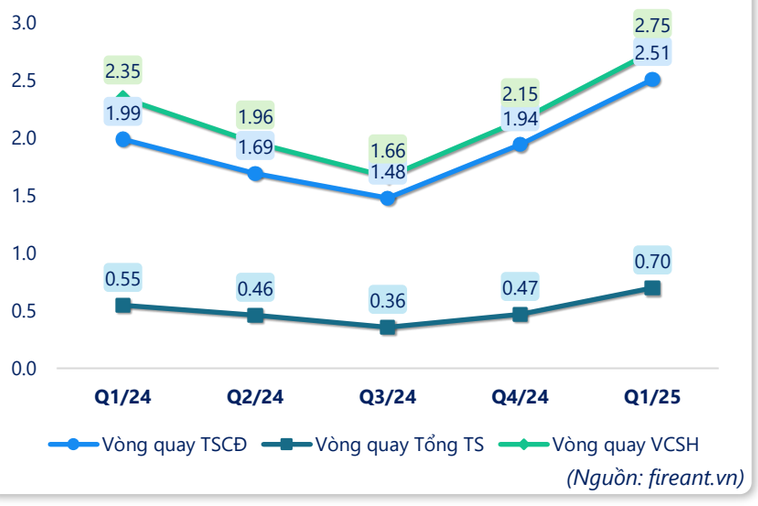

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

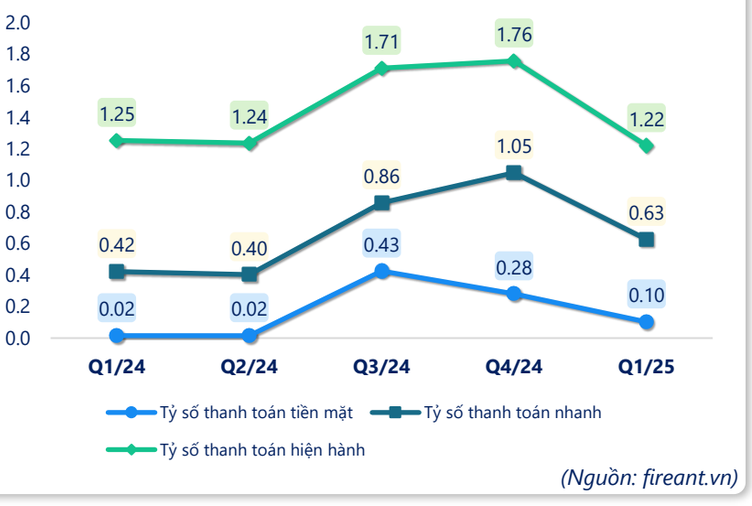

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

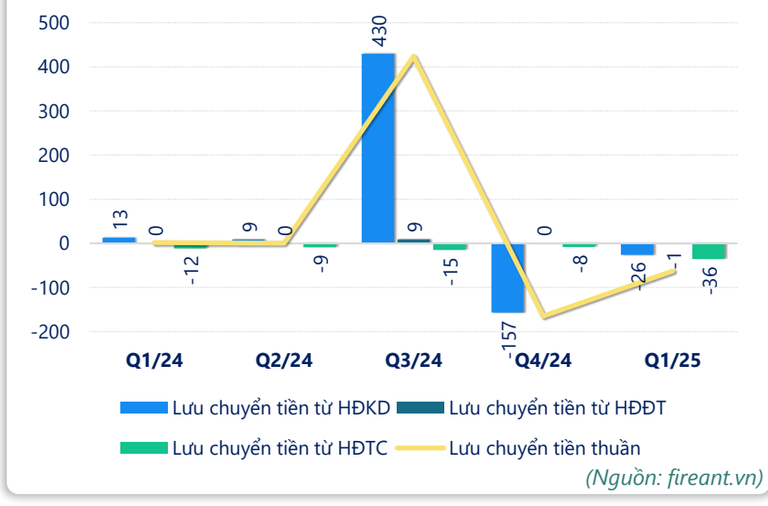

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,698**	**1,873**	**-9.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,172	1,358	-13.7%
Tiền và tương đương tiền	98.7	162	-38.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.7	113	-45.4%
Phải thu ngắn hạn	441	390	13.0%
Hàng tồn kho	570	693	-17.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.11	0.13	-16.5%
Tài sản dài hạn	**526**	**515**	**2.2%**
Phải thu dài hạn	29.5	26.7	10.4%
Tài sản cố định	483	470	2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.45	1.45	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**12.2**	**16.5**	**-26.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,248	1,433	-12.9%
Nợ ngắn hạn	**960**	**996**	**-3.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	602	631	-4.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	205	198	3.4%
Nợ dài hạn	288	437	-34.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	75.8	61.4	23.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**450**	**440**	**2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**450**	**440**	**2.4%**
Vốn điều lệ	363	363	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	141	148	188	467	419
Giá vốn hàng bán	114	139	158	449	387
Lợi nhuận gộp	26.6	9.65	29.6	18.0	32.4
Doanh thu HĐTC	0.00	0.43	0.00	22.8	0.01
Chi phí TC	18.6	13.8	17.4	14.2	13.0
Chi phí lãi vay	16.3	14.7	12.0	12.7	13.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.28	6.65	7.51	21.5	6.48
LN thuần từ HĐKD	1.73	-10.4	4.73	5.19	13.0
Lợi nhuận khác	-0.10	12.4	-2.47	-1.04	-0.07
LN trước thuế	1.64	2.06	2.26	4.16	12.9
Lợi nhuận sau thuế	1.25	1.36	0.99	0.17	10.6
LNST của CĐ cty mẹ	1.20	1.67	1.34	-0.28	10.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.2	9.14	430	-157	-26.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.43	8.76	0.26	-1.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.5	-9.19	-14.6	-8.50	-35.7
Tiền đầu kỳ	14.0	15.6	16.0	440	162
Lưu chuyển tiền thuần	**1.66**	**0.38**	**424**	**-165**	**-62.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.6	16.0	440	275	98.7

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic